

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**LÊ VĂN HÙNG**

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC**  
**NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH CÁC**  
**TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**  
**TỈNH KONTUM**

**Chuyên ngành : Quản lý giáo dục**

**Mã số : 60.14.01.14**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC**

**Đà Nẵng - Năm 2016**

Công trình được hoàn thành tại

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. LÊ ĐÌNH SƠN**

Phản biện 1: TS. Dương Bạch Dương

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Bảo Hoàng Thanh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ *Giáo dục học* họp tại Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum vào ngày 9 tháng 10 năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Với mục tiêu đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện việc xây dựng môi trường văn hóa và hình thành NSVH cho thế hệ trẻ nói chung và HS nói riêng có vai trò rất quan trọng.

Trong hệ thống giáo dục quốc dân nước ta, trường PTDTNT là loại hình trường chuyên biệt. Trường vừa thực hiện sứ mạng của trường phổ thông, vừa thực hiện nhiệm vụ của một trường nội trú, vừa nuôi dưỡng vừa giáo dục HS với nhiều lứa tuổi. HS của trường đa dân tộc, chủ yếu đến từ các vùng sâu, vùng xa của địa phương, nay sống và học tập trong tập thể nội trú, mỗi em đến trường đem theo thói quen, cách sống được hình thành từ nơi cư trú trước đây. Vì vậy, xây dựng một NSVH chung, phù hợp với yêu cầu, mục tiêu giáo dục của nhà trường là việc cần được đặc biệt quan tâm.

Để đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện của các nhà trường, cần nghiên cứu đề xuất được các biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho HS có hiệu quả, thúc đẩy nâng cao chất lượng công tác này.

Xuất phát từ lý do đã nêu, chúng tôi chọn ***“Biện pháp quản lý giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh KonTum”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn Thạc sĩ chuyên ngành QLGD.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất các biện pháp quản lý công tác GD NSVH cho HS ở

các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum.

### **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

#### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Công tác giáo dục NSVH cho HS trường PTDTNT.

#### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho HS ở các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### **4. Giả thuyết khoa học**

Hoạt động GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum còn nhiều bất cập. Nếu đề xuất được các biện pháp quản lý mang tính khoa học, phù hợp và khả thi thì sẽ nâng cao được hiệu quả hoạt động này, góp phần đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện trong các nhà trường.

### **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

**5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận** về quản lý giáo dục NSVH cho HS ở trường PTDTNT.

**5.2. Nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng quản lý giáo dục NSVH cho HS ở các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

**5.3. Nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho HS ở các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

### **6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu các biện pháp quản lý của HT các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum đối với công tác giáo dục NSVH cho HS; thực hiện việc nghiên cứu thực trạng quản lý công tác này ở 9 trường PTDTNT của tỉnh trong khoảng thời gian 5 năm gần đây và đề xuất các biện pháp quản lý cho giai đoạn 2015-2020.

### **7. Phương pháp nghiên cứu**

#### **7.1. Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết**

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu lý thuyết để phân tích,

tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu liên quan... nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu.

### **7.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

Sử dụng các phương pháp: quan sát; điều tra bằng phiếu hỏi; phỏng vấn; tổng kết kinh nghiệm thực tiễn; chuyên gia.

### **7.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học**

## **8. Cấu trúc đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

- Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục NSVH cho HS trường PTDTNT;
- Chương 2. Thực trạng quản lý giáo dục NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum;
- Chương 3. Biện pháp quản lý công tác giáo dục NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GD NSVH CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

#### **1.1. TỔNG QUAN NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

#### **1.2. CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH CỦA ĐỀ TÀI**

##### **1.2.1. Quản lý, quản lý giáo dục**

##### ***a. Quản lý***

Quản lý là tác động có định hướng, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến đối tượng bị quản lý trong tổ chức, nhằm huy động tối ưu các nguồn lực để vận hành tổ chức đạt đến mục tiêu nhất định.

### ***b. Quản lý giáo dục***

QLGD là tác động có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý trong hệ thống giáo dục, là sự điều hành hệ thống giáo dục quốc dân, các cơ sở giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; điều hành, phối hợp các lực lượng xã hội nhằm thực hiện sứ mạng, mục tiêu của hệ thống, cơ sở giáo dục.

#### **1.2.2. Quản lý nhà trường**

Quản lý nhà trường là quản lý về tổ chức, điều kiện hoạt động và hoạt động của cơ sở giáo dục, bao gồm cả việc quản lý các hoạt động bên trong nhà trường và quản lý các mối quan hệ giữa nhà trường với xã hội, môi trường bên ngoài.

#### **1.2.3. Nếp sống văn hóa**

##### ***a. Khái niệm nếp sống***

##### ***b. Nếp sống văn hóa***

NSVH là những biểu hiện của nếp sống trong quan hệ hành vi, ứng xử, hoạt động, giao tiếp của con người với thiên nhiên, đồ vật, với người khác, với cộng đồng xã hội và bản thân, phù hợp với những giá trị, chuẩn mực văn hóa của xã hội.

#### **1.2.4. Giáo dục nếp sống văn hóa**

GD NSVH cho HS là một quá trình tổ chức hoạt động, giúp HS có nhận thức đúng, đầy đủ và thường xuyên rèn luyện hành vi, thói quen ứng xử văn hóa trong học tập, giao tiếp, sinh hoạt theo những chuẩn mực giá trị đạo đức, văn hóa của người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kế thừa và phát huy những chuẩn mực đạo đức, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu những giá trị văn hóa của nhân loại, của thời đại.

#### **1.2.5. Quản lý giáo dục nếp sống văn hóa**

QLGD NSVH là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới

khách thể quản lý bằng các biện pháp hiệu quả nhằm đưa hoạt động giáo dục NSVH đạt tới mục tiêu, kết quả mong muốn.

### **1.3. CÔNG TÁC GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

#### **1.3.1. Mục tiêu giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú**

Giáo dục NSVH cho HS trường PTDTNT là nhằm phát triển toàn diện nhân cách cho các em, phát huy những giá trị tốt đẹp trong nếp sống của dân tộc, loại trừ những tư tưởng, hành vi lạc hậu, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại để hình thành nên NSVH vừa hiện đại vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

#### **1.3.2. Nội dung giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú**

Giáo dục NSVH cho HS trường PTDTNT về ý thức và nỗ lực vươn lên trong học tập; ý thức chấp hành nội quy, quy chế, tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội; giáo dục phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng, công tác lớp, đoàn thể trong nhà trường; giáo dục về thái độ học tập, sinh hoạt, quan hệ giao tiếp, ứng xử với cán bộ, GV, NV trong nhà trường, với người lớn tuổi, bạn bè và bản thân.

#### **1.3.3. Phương pháp giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú**

Sử dụng các phương pháp: đàm thoại; tuyên truyền, vận động; nêu gương; giao công việc và rèn luyện; khuyến khích; trách phạt; thi đua; quan sát; anket; kiểm tra, đánh giá.

#### **1.3.4. Hình thức giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú**

Thông qua giảng dạy các môn học *Giáo dục công dân, Hoạt động ngoài giờ lên lớp* và các môn học khác; thông qua hoạt động

tập thể, hoạt động xã hội; thông qua tấm gương của người thầy; thông qua hoạt động tu dưỡng, tự rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân với sự hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ của tập thể sư phạm.

#### **1.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

**1.4.1. Đặc điểm tâm lý xã hội của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú**

**1.4.2. Môi trường và điều kiện xã hội**

**1.4.3. Vai trò của tập thể học sinh**

**1.4.4. Vai trò của các lực lượng giáo dục**

**1.4.5. Mối quan hệ giữa giáo dục và tự giáo dục**

**1.4.6. Các điều kiện khác**

#### **1.5. NỘI DUNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

**1.5.1. Kế hoạch hóa công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

Kế hoạch giáo dục NSVH cho HS cần được xây dựng theo từng năm học/học kỳ/quý/tháng, phù hợp điều kiện thực tiễn của nhà trường và được thống nhất trong hội đồng giáo dục, ban hành chính thức bằng văn bản. Kế hoạch cần phổ biến đến từng cán bộ, GV.

**1.5.2. Tổ chức công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

Tổ chức công tác giáo dục NSVH cho HS bao gồm hai tiến trình cơ bản, đó là sự phân chia chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và sự phối hợp, tạo lập các mối quan hệ giữa các bộ phận, bao gồm quan hệ phối hợp ngang quyền, quan hệ cấp trên, cấp dưới. Cần thành lập Ban chỉ đạo giáo dục NSVH cho HS và phân



công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị, cá nhân trong nhà trường.

### **1.5.3. Chỉ đạo công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

Đảm bảo sự chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của lãnh đạo nhà trường; đảm bảo sự phân công phù hợp, hiệu quả từng thành viên Ban Giám hiệu, Tổ chuyên môn, Ban Quản lý nội trú trong công tác giáo dục HS; thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác giáo dục NSVH cho HS thông qua các buổi họp giao ban hàng tuần.

### **1.5.4. Kiểm tra, đánh giá công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

Định kỳ từng học kỳ, năm học tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả GD NSVH cho HS; thường xuyên phân công lãnh đạo nhà trường và các đơn vị chức năng kiểm tra công tác GD NSVH cho HS; kiểm tra việc phân công, giao việc; kiểm tra kết quả tu dưỡng, rèn luyện của học sinh theo kế hoạch; đề xuất các biện pháp điều chỉnh kế hoạch.

## **Tiểu kết chương 1**

NSVH thuộc phạm trù hình thái ý thức xã hội, bao gồm những nguyên tắc và chuẩn mực xã hội.

Để công tác giáo dục NSVH cho HS đạt hiệu quả cao, các nhà QLGD cần nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác này; trong quá trình quản lý cần nắm được tâm lý lứa tuổi của HS, vận dụng một cách linh hoạt các chức năng quản lý, có biện pháp thích hợp quản lý một cách toàn diện, khoa học HĐGD trong nhà trường.

Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục NSVH cho HS ở trường PTDTNT được trình bày trong Chương 1 luận văn là cơ sở lý luận cần thiết cho việc triển khai khảo sát thực trạng quản lý công tác này ở các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum trong Chương 2 tiếp theo.

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HÓA**  
**CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG**  
**DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH KON TUM**

**2.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI, GIÁO DỤC TỈNH KON TUM VÀ CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

**2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và giáo dục**

- a. Vị trí địa lý*
- b. Tài nguyên, khoáng sản*
- c. Kinh tế*
- d. Văn hóa - xã hội*
- e. Giáo dục và Đào tạo*

**2.1.2. Khái lược về hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kon Tum**

- a. Quy mô học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên*
- b. Cơ cấu tổ chức của các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum*
- c. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*
- d. Chất lượng giáo dục của các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum*
- e. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao*

**2.2. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT**

**2.2.1. Mục đích khảo sát.** Tìm hiểu thực trạng quản lý công tác GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum thời gian qua làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý công tác này theo mục tiêu nghiên cứu đã xác định. Khảo nghiệm ý kiến chuyên gia về tính cấp

thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý do luận văn đề xuất.

### **2.2.2. Nội dung khảo sát**

Khảo sát thực trạng GD NSVH cho HS, thực trạng quản lý GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum thông qua ý kiến đánh giá của CBQL, GV và HS và các dữ liệu hồ sơ về kết quả học tập, rèn luyện của HS. Khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất quản lý GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum thông qua ý kiến đánh giá của CBQL và GV.

**2.2.3. Đối tượng, địa bàn khảo sát.** Khảo sát bằng phiếu hỏi ý kiến đánh giá của 28 CBQL, 90 GV và 283 HS về thực trạng quản lý GD NSVH cho HS các trường. Khảo nghiệm ý kiến của 55 CBQL và GV về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

### **2.2.4. Phương pháp, tiến trình khảo sát**

Điều tra, khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp quan sát thực tế.

### **2.2.5. Xử lý số liệu khảo sát**

Tổng hợp phiếu trưng cầu ý kiến thu được theo từng đối tượng khảo sát và sử dụng phương pháp thống kê toán học để tổng hợp, phân tích dữ liệu, làm cơ sở viết báo cáo kết quả khảo sát.

## **2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH KON TUM**

### **2.3.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh ở các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kon Tum**

Kết quả khảo sát cho thấy đa số CBQL, GV và HS khẳng định vai trò của công tác GD NSVH ở trường PTDTNT. Đây là tiền đề cần thiết để triển khai các biện pháp quản lý công tác này. Bên cạnh đó, cũng còn một bộ phận GV và HS cho rằng GD NSVH ít quan trọng hoặc không quan trọng. Đây là vấn đề đặt ra cho công tác quản

lý của nhà trường.

### **2.3.2. Thực trạng công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kon Tum**

*a. Thực trạng về nội dung GD NSVH.* Theo ý kiến của CB, GV, các nội dung GD NSVH đã được nhà trường quan tâm GD cho HS trong thời gian qua có thể xác định ở các mức độ thứ bậc như sau: Xếp ở vị trí số 1 (95,76% ý kiến chọn) là “hành vi, thói quen, lối sống văn minh, tiến bộ phù hợp với thời đại và bản sắc dân tộc Việt Nam”; xếp ở vị trí số 2 (91,53%) là “nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật, tự giác chấp hành quy chế, nội quy, quy định của nhà trường, địa phương”; xếp ở vị trí số 3 (76,27%) là “tôn trọng, lễ phép, nhã nhặn, lịch sự trong giao tiếp ứng xử với cán bộ, GV, NV, người lớn tuổi”; xếp ở vị trí số 4 (73,73%) là “ý thức tự giác, chăm chỉ học tập, lao động, sắp xếp kế hoạch, thời gian học tập, sinh hoạt khoa học, hợp lý”; xếp ở vị trí số 5 (72,03%) là “trung thực, thân thiện, hợp tác trong quan hệ với bạn bè, nhiệt tình giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”. Theo ý kiến của HS, các nội dung GD NSVH đã được nhà trường quan tâm GD cho HS trong thời gian qua có thể xác định ở các mức độ thứ bậc: Xếp ở vị trí số 1 (98,23%) là “hành vi, thói quen, lối sống văn minh, tiến bộ phù hợp với thời đại và bản sắc dân tộc Việt Nam”; xếp ở vị trí số 2 (97,88%) là “nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật, tự giác chấp hành quy chế, nội quy, quy định của nhà trường, địa phương”; xếp ở vị trí số 3 (97,53%) là “tôn trọng, lễ phép, nhã nhặn, lịch sự trong giao tiếp ứng xử với cán bộ, GV, NV, người lớn tuổi”; xếp ở vị trí số 4 (93,64%) là “trung thực, thân thiện, hợp tác trong quan hệ với bạn bè, nhiệt tình giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”; xếp ở vị trí số 5 (81,80%) là “ý thức tự giác, chăm chỉ học tập, lao động, sắp xếp kế hoạch, thời gian học tập, sinh hoạt khoa học, hợp lý”. Từ nhận thức và đánh giá của đội ngũ CBQL, GV và HS có thể thấy rằng: Trong

thời gian qua, công tác GD NSVH cho HS đã được nhà trường quan tâm. Tuy nhiên các nội dung thực hiện chưa đồng đều. Đánh giá của CBGV và HS có sự khác nhau.

**b. Thực trạng về hình thức GD NSVH.** Các hình thức GD NSVH cho HS được các trường sử dụng thường xuyên như: “*thông qua các tiết sinh hoạt của GVCN, sinh hoạt chi đoàn*” (70,32%); “*thông qua giảng dạy, học tập các môn học*” (67,33%); “*thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ*” (53,37%); “*thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa*” (47,13%); “*thông qua các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa văn nghệ, lễ hội*” (42,39%); “*thông qua các buổi ngoại khóa, hội thi*” (39,90%); “*thông qua các hoạt động tình nguyện, phòng chống ma túy, vệ sinh môi trường...*” (27,68%); “*thông qua hoạt động thăm di tích lịch sử, về với cội nguồn, tham quan du lịch*” (25,69%). Đặc biệt, một số ý kiến cho rằng những hình thức như “*thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ*” (6,23%) và “*bằng hình thức tự tu dưỡng, tự rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân*” (5,74%) còn ít được nhà trường quan tâm sử dụng.

**c. Thực trạng về phương pháp GD NSVH**

Các phương pháp nhà trường sử dụng ở mức thường xuyên gồm: tuyên truyền, vận động (62,71%); thi đua (53,39%); kiểm tra, đánh giá (55,08%). Những phương pháp được nhà trường sử dụng, nhưng không thường xuyên: đàm thoại (51,69%); khuyến khích (52,54%); trách phạt (42,37%); quan sát (44,92%); nêu gương (48,31%). Phương pháp trách phạt (20,34%) và giao công việc (18,64%) được cho là ít được sử dụng trong nhà trường.

**d. Thực trạng công tác đánh giá kết quả rèn luyện và những yếu tố ảnh hưởng đến công tác GD NSVH cho HS.** Đa số ý kiến cho rằng việc đánh giá kết quả rèn luyện của HS được tiến hành công bằng, khách quan, có hiệu quả giáo dục; nội dung có tiêu chí rõ ràng,

cụ thể, đánh giá đầy đủ các mặt học tập, rèn luyện, có tác dụng khuyến khích học sinh tích cực học tập, rèn luyện. Về cách tiến hành đánh giá, đa số ý kiến cho rằng đã thực hiện theo đúng quy trình. Tuy nhiên, qua trao đổi trực tiếp, một số GV cho rằng công việc này nhiều khi chỉ làm ở mức độ chiếu lệ; đánh giá còn phiến diện, một số trường hợp GVCN/BCS lớp đánh giá thiếu khách quan, đánh giá theo cảm tính (không dựa trên kết quả theo dõi, quản lý lớp), do vậy còn thiếu công bằng, công khai và dân chủ, gây nên tâm lý chán nản của một bộ phận HS. Ngoài ra, một số HS còn thiếu trung thực trong tự đánh và đánh giá kết quả rèn luyện.

### **2.3.3. Đánh giá chung hiệu quả công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Kon Tum**

Hầu hết CBQL cho rằng hiệu quả GD NSVH ở mức độ khá và mức độ cao (67,86% và 3,57%), các ý kiến còn lại cho rằng hiệu quả GD NSVH ở mức độ trung bình (32,14%). Không có ý kiến đánh giá thấp. Trong khi đó có 50% ý kiến của đội ngũ GV cho rằng hiệu quả GD NSVH ở mức độ khá, ở mức độ cao có 2,22% ý kiến. Số ý kiến cho rằng hiệu quả GD NSVH thấp chiếm 10,00%, ở mức độ trung bình là 37,78%. Điều này nói lên rằng, còn có một số GV và HS chưa hài lòng với tình hình thực hiện công tác GD NSVH ở các trường PTDTNT hiện nay.

## **2.4. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GD NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH KON TUM**

### **2.4.1. Thực trạng kế hoạch hóa công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

Đa số ý kiến thống nhất rằng, công tác GD NSVH đã được các trường xây dựng thành kế hoạch từ đầu năm học (53,39%); các

trường cũng đã lồng ghép công tác GD NSVH vào kế hoạch năm học cũng như chương trình các hoạt động ngoại khóa (68,64%). Tuy nhiên các hoạt động chủ yếu được tổ chức theo phong trào, từng đợt và mang tính đồng loạt, chưa có chiều sâu. Có 49,15% ý kiến đánh giá kế hoạch GD NSVH đã nêu rõ nội dung, biện pháp, tiêu chí và cách thực hiện; 43,22% ý kiến cho rằng kế hoạch GDNSVH cho HS đã được lồng ghép vào kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể. Như vậy, việc xây dựng kế hoạch công tác GD NSVH cho HS về cơ bản đã được các trường chú trọng, quan tâm.

#### **2.4.2. Thực trạng tổ chức giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

Kết quả khảo sát cho thấy nhà trường đã quan tâm đến nhiều mặt công tác tổ chức GD NSVH cho HS, đã thành lập Ban Chỉ đạo GD NSVH (73,73%), xác lập cơ chế phối hợp Ban Chỉ đạo và các cấp quản lý, GV, các đoàn thể (71,12%). Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các đơn vị tham gia quản lý công tác GD NSVH cho HS còn chưa chặt chẽ, việc phân công, phân định trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo chưa rõ ràng (35,59%). Thực tế, theo ý kiến nhiều GV, việc thành lập Ban Chỉ đạo còn có tính hình thức, công việc chủ yếu dồn cho ĐTN tham mưu, các bộ phận khác chỉ tham gia một cách thụ động vào hoạt động quản lý GD NSVH cho HS.

#### **2.4.3. Thực trạng chỉ đạo công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

Kết quả khảo sát ở Bảng 2.12 cho thấy: Trong 3 sự lựa chọn thì mức độ thường xuyên được lựa chọn nhiều nhất (56,78%), kế đến là mức độ không thường xuyên (36,44%) và cuối cùng là “không có sự chỉ đạo, giám sát” (6,78%). Như vậy, theo đánh giá chung, sự giám sát, chỉ đạo công tác GD NSVH của nhà trường tương đối thường xuyên. Tuy nhiên, qua trao đổi được biết vẫn còn một số đơn

vị, lực lượng trong nhà trường chưa có sự quan tâm đúng mức đối với công tác này. Việc chỉ đạo công tác GD NSVH cho HS trong nhiều trường hợp vẫn còn mang tính thời vụ.

#### **2.4.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá công tác giáo dục nếp sống văn hóa**

Qua khảo sát thực trạng, có: 7,63% tổng số ý kiến được hỏi cho là nhà trường đã “thường xuyên kiểm tra công tác GD NSVH cho HS”; 23,73% khẳng định: “Định kỳ theo tuần”; 30,51% - “Định kỳ theo tháng”. Điều này cho thấy nhà trường chưa quan tâm đúng mức đến việc kiểm tra thường xuyên. Về nguyên tắc, kiểm tra “theo học kỳ” (41,53%), “theo năm học” (58,47%) là rất tốt. Theo quy chế của Bộ GD&ĐT về đánh giá kết quả điểm rèn luyện cho HS, nhà trường cần kết hợp lồng ghép kiểm tra, đánh giá NSVH của HS. Thực tế khảo sát cho thấy việc phân công, giao việc chưa được nhà trường quan tâm kiểm tra thường xuyên. Về thực trạng công tác thi đua, khen thưởng trong quản lý công tác GD NSVH cho HS, chúng tôi được biết: các tiêu chí thi đua chưa cụ thể (41,53%); việc sơ kết, tổng kết, khen thưởng và nhân rộng các điển hình tiên tiến thường được tiến hành chung với sơ kết, tổng kết năm học.

### **2.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH KON TUM**

#### **2.5.1. Đánh giá chung**

Phân tích thực trạng ở Chương 2 đã thể hiện cụ thể những ưu điểm trong việc quản lý GD NSVH cho HS các trường PTDTNT. Tuy nhiên, cũng còn tồn tại những hạn chế. Nội dung, hình thức tổ chức GD NSVH ở một số trường PTDTNT thiếu tính đa dạng, phong phú. GV chưa có sự đầu tư nhiều trong công tác chuẩn bị nội dung, hình thức hoạt động, chưa tích cực tư vấn cho lớp. Sự phối hợp của các



lực lượng GD chưa đồng bộ để cùng cộng đồng trách nhiệm trong quá trình GD NSVH cho HS. Công tác kiểm tra, đánh giá trong quản lý GD NSVH ở các trường PTDTNT còn nhiều hạn chế.

### ***2.5.2. Phân tích nguyên nhân thực trạng***

Điều kiện kinh tế - xã hội của một số địa phương nơi nhà trường đóng chân còn nhiều khó khăn, hạn chế. Cơ chế chính sách, chế độ bồi dưỡng cho công tác GD NSVH chưa kích thích, động viên đội ngũ GV và phục vụ hiệu quả các hoạt động phong trào. Chưa có sự quan tâm đúng mức của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường. Nhận thức của một bộ phận GV và HS chưa đầy đủ về sự cần thiết và yêu cầu của công tác GD NSVH ở trường PTDTNT. Năng lực của một số CBQL, GV về GD NSVH ở các trường PTDTNT còn hạn chế, đặc biệt là các trường thuộc vùng khó khăn. HS các trường PTDTNT hầu hết là người dân tộc thiểu số. Qua khảo sát nhận thấy, HS còn thiếu một số kỹ năng cần thiết; các yếu tố tâm, sinh lý, nhận thức trong việc hòa nhập thích nghi với môi trường học tập và sinh hoạt mới còn hạn chế.

## **Tiểu kết chương 2**

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy, nhìn chung các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum đều quan tâm đến công tác GD NSVH cho HS: có thành lập ban chỉ đạo; có kế hoạch hoạt động; có tổ chức triển khai, giao nhiệm vụ cụ thể tới từng bộ phận trong nhà trường để cùng đồng lòng GD NSVH cho HS. Tuy nhiên, những mặt tồn tại, hạn chế của công tác này hiện vẫn còn là những thách thức không nhỏ đặt ra cho nhà trường. Để vượt qua những thách thức này, nhà trường cần xác định rõ các mục tiêu cụ thể, đề ra những giải pháp phù hợp, bằng nhiều hình thức đa dạng đổi mới công tác quản lý, huy động được sức mạnh tổng hợp của các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà

trường tham gia vào công tác GD NSVH cho HS. Đây chính là nội dung mà chúng tôi sẽ tập trung làm rõ trong Chương 3 của luận văn.

### **CHƯƠNG 3**

## **BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH KON TUM**

### **3.1. CÁC NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP**

**3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn**

**3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi**

**3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa**

**3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả**

**3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống**

### **3.2. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH KON TUM**

**3.2.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

***a. Mục đích, ý nghĩa***

***b. Nội dung, tổ chức thực hiện***

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về nội dung, vai trò ý nghĩa, tầm quan trọng của GD NSVH cho HS và công tác chỉ đạo hoạt động GD NSVH cho HS đến toàn thể CBGV, HS và các bậc cha mẹ HS.

Đoàn thanh niên, ban quản lý nội trú tập hợp đầy đủ các văn bản liên quan đến việc chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện NSVH đưa vào kế hoạch. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của các kế hoạch đã thực hiện cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay của nhà trường.

Truyền tải toàn bộ các văn bản, hướng dẫn, chỉ đạo của cấp

trên về công tác GD NSVH cho HS tới cán bộ, GV và HS trong trường.

### **3.2.2. Xây dựng và ban hành các tiêu chí về nếp sống văn hóa của học sinh**

#### ***a. Mục đích, ý nghĩa***

#### ***b. Nội dung, tổ chức thực hiện***

Các tiêu chí về NSVH của HS cần được xây dựng như bộ quy tắc chuẩn về NSVH của HS (dựa vào các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, Bộ GD&ĐT và điều kiện thực tế của nhà trường).

Xây dựng các tiêu chí đánh giá NSVH của HS, bám sát các quy định, nội quy, quy chế nhằm xác định chính xác thực trạng NSVH của HS nhà trường. Nội dung các tiêu chí cần bao gồm: đánh giá về học tập (tự giác, chăm chỉ học tập; tìm tòi, học hỏi; ý thức trách nhiệm, vượt khó; quý trọng thời gian; hợp tác, trung thực trong học tập, thi cử...); đánh giá về ứng xử, giao tiếp; đánh giá về ý thức chấp hành các quy định, nội quy, nề nếp trong cuộc sống, sinh hoạt...

### **3.2.3. Xây dựng kế hoạch giáo dục nếp sống văn hóa phù hợp, cụ thể, khả thi**

#### ***a. Mục đích, ý nghĩa***

#### ***b. Nội dung, tổ chức thực hiện***

Xây dựng kế hoạch GD NSVH cho HS ngay từ đầu năm học, đảm bảo những yêu cầu: đáp ứng các nhiệm vụ đặt ra cho năm học; có sự phân định trách nhiệm cụ thể của các đơn vị tham gia; có biện pháp tổ chức thực hiện phù hợp, khả thi; có mục tiêu, nội dung, thời gian thực hiện rõ ràng, công việc cụ thể từng tuần, tháng, theo các chủ điểm; phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức trong nhà trường; xác định các nguồn lực để thực hiện; ban hành chính thức bằng văn bản và tổ chức tập huấn cho cán bộ.

### **3.2.4. Hoàn thiện bộ máy quản lý giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

#### ***a. Mục đích, ý nghĩa***

#### ***b. Nội dung, tổ chức thực hiện .***

Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý GD NSVH cho HS, trong đó đảm bảo có sự tham gia của các đơn vị trong nhà trường: thành lập Ban Quản lý GD NSVH cho HS cấp trường; phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách chung công tác GD NSVH cho HS nhà trường; phân công công việc đến từng các bộ phận, từng cá nhân, từng thành viên trong bộ máy quản lý GD NSVH cho HS; xác lập cơ chế đảm bảo kịp thời cung cấp thông tin về các chủ trương, chính sách, kế hoạch GD NSVH cho HS đến các thành viên tham gia quản lý GD NSVH cho HS nhà trường; có chế độ hỗ trợ, động viên khuyến khích CBQL, GV tham gia GD NSVH của nhà trường.

### **3.2.5. Đa dạng hóa các hình thức giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

#### ***a. Mục đích, ý nghĩa***

#### ***b. Nội dung, tổ chức thực hiện***

Thường xuyên cập nhật nội dung, hình thức hoạt động phong phú, hấp dẫn, sát thực tế, gần cuộc sống đời thường để tổ chức công tác GD NSVH. Thu hút HS tham gia hoạt động VHVN, TDTT, các chương trình giao lưu, học hỏi kinh nghiệm..., giúp các em sử dụng thời gian rảnh rỗi một cách hợp lý, đồng thời rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng học và thi có hiệu quả...

Định kỳ tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, hội trại, tổ chức các câu lạc bộ... nhằm giúp HS có sân chơi lành mạnh, bổ ích và có dịp giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, hiểu biết, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau. Đồng thời, thông qua đó, HS có điều kiện thể hiện khả năng của

mình trên các lĩnh vực hoạt động, tăng cường hứng thú trong học tập, rèn luyện.

### **3.2.6. Phối hợp hiệu quả các lực lượng tham gia giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

#### ***a. Mục đích, ý nghĩa***

#### ***b. Nội dung, tổ chức thực hiện***

Để phối hợp hiệu quả các lực lượng trong và ngoài trường tham gia công tác GD NSVH cho HS, cần quan tâm: Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp của ĐTN với Ban Quản lý nội trú; tăng cường phối hợp giữa các phòng ban, tổ chuyên môn, GVCN với Ban Quản lý nội trú; giữ mối liên hệ của GVCN với chính quyền địa phương và duy trì thường xuyên việc liên lạc, trao đổi thông tin với phụ huynh HS.

Thường xuyên tạo sự thống nhất, đồng thuận trong suy nghĩ, trong nhận thức cũng như trong hành động GD NSVH cho HS giữa các bộ phận, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường nhằm duy trì tính hướng đích của hoạt động giáo dục. Như vậy công tác GD NSVH cho HS mới đạt được kết quả mong muốn.

### **3.2.7. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

#### ***a. Mục đích, ý nghĩa***

#### ***b. Nội dung, tổ chức thực hiện***

Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ và thường xuyên công tác GD NSVH của HS nhà trường, đồng thời tổ chức tổng kết, sơ kết công tác quản lý GD NSVH cho HS. Sử dụng bộ quy tắc chuẩn về NSVH của HS do nhà trường ban hành để đánh giá NSVH của HS.

Cần có kế hoạch rõ ràng, xác định rõ những nội dung, chỉ tiêu cần kiểm tra; sắp xếp tổ chức công việc khoa học, phân công phân nhiệm vụ rõ ràng cho từng bộ phận, cá nhân trong việc thực hiện kế

hoạch. Áp dụng đa dạng, linh hoạt nhiều hình thức kiểm tra như: kiểm tra định kì, kiểm tra trực tiếp, kiểm tra gián tiếp, kiểm tra toàn diện công tác GD NSVH cho HS. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng.

### **3.2.8. Đảm bảo nguồn lực phục vụ công tác giáo dục nếp sống văn hóa cho học sinh**

*a. Mục đích, ý nghĩa*

*b. Nội dung, tổ chức thực hiện.*

Căn cứ vào mục tiêu GD NSVH, xây dựng kế hoạch, lập dự trù kinh phí cho công tác GD NSVH, có kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí và xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá thực hiện các hoạt động.

Hàng năm có kế hoạch đầu tư xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học - giáo dục: đồ dùng dạy học, tài liệu tham khảo, phần mềm và băng đĩa hình, báo chí....

Phát động trong cán bộ, GV và HS phong trào sáng kiến làm đồ dùng dạy học, thi vẽ tranh cổ động để chọn những bức tranh tốt phục vụ cho công tác GDNSVH...

Kiểm tra, theo dõi tình hình tổ chức thực hiện của các bộ phận, mức độ, hiệu quả sử dụng, bảo quản trang, thiết bị, tìm hiểu các vấn đề phát sinh... để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

### **3.3. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP**

Các biện pháp quản lý GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum đề xuất trong luận văn có mối quan hệ mật thiết, bổ sung, hỗ trợ cho nhau, tạo ra một tổ hợp biện pháp tác động hiệu quả đến công tác quản lý GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

### **3.4. KHẢO NGHIỆM NHẬN THỨC VỀ TÍNH CẤP THIẾT, TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP**

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và phân tích thực trạng quản lý

GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum, luận văn đề xuất 8 biện pháp quản lý nhằm góp phần nâng cao hiệu quả GD NSVH của HS. Kết quả khảo nghiệm trung cầu ý kiến đánh giá của 55 CBGV (28 Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; 9 Bí thư đoàn trường; 9 Trưởng ban quản lý nội trú, 9 Trưởng ban nền nếp) các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum được trình bày trong Bảng 3.1 và Bảng 3.2 (Tổng số phiếu thu về: 55/55 phiếu phát ra).

Bên cạnh đó, chúng tôi sử dụng nhóm phương pháp xử lý số liệu để phân tích, xử lý dữ liệu nghiên cứu và tính hệ số tương quan giữa CBQL và GV về tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp.

Thang điểm đánh giá dành cho đối tượng khảo sát được quy ước gồm 4 bậc:

1. Rất cấp thiết/rất khả thi: 4 điểm
2. Cấp thiết/khả thi: 3 điểm
3. Ít cấp thiết/ Ít khả thi: 2 điểm
4. Không cấp thiết/không khả thi: 1 điểm

Kết quả khảo sát cho thấy:

- Tất cả các biện pháp đề xuất đều được đánh giá là “cấp thiết” và “rất cấp thiết” (tỷ lệ 96,0% ý kiến được hỏi).

- Có từ 80% trở lên ý kiến được hỏi khẳng định là các biện pháp đề xuất có tính “khả thi” và “rất khả thi”.

Mặc dù còn có những ý kiến khác nhau, nhưng hầu hết CBQL và GV đều cho rằng các biện pháp mà tác giả đề xuất đều có tính cấp

thiết và khả thi. Kết quả khảo sát cho thấy trong một chừng mực nhất định, các biện pháp có thể áp dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả GD NSVH cho HS các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum.

### **Tiểu kết chương 3**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GD NSVH cho HS tại các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum, tác giả luận văn đã đề xuất 8 biện pháp quản lý hoạt động này tại các nhà trường nghiên cứu.

Các biện pháp đề xuất trong luận văn có mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ và thống nhất với nhau; có sự tác động, hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Mỗi biện pháp đều có vai trò riêng, có thể mạnh và hạn chế nhất định. Để đạt được hiệu quả cao, các biện pháp cần được triển khai thực hiện một cách hệ thống và đồng bộ.

Kết quả khảo nghiệm nhận thức cho thấy, các biện pháp đề xuất đều có tính cấp thiết và mức độ khả thi cao, có thể áp dụng vào các trường PTDTNT tỉnh Kon Tum, đồng thời các trường khác cũng có thể vận dụng các nội dung phù hợp với đặc điểm nhà trường căn cứ vào thực tế quản lý tại đơn vị mình.

## **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **1. KẾT LUẬN**

GD NSVH là nội dung quan trọng nhằm hình thành nhân cách HS trong các nhà trường PTDTNT. Chương 1 luận văn đã trao đổi về các vấn đề lý luận cơ bản của công tác này. Trên cơ sở trình bày tổng quan những nghiên cứu liên quan, bàn về các khái niệm cơ bản của vấn đề nghiên cứu, luận văn đã làm rõ mục tiêu, nội dung, phương



pháp, hình thức GD NSVH cho HS các trường PTDTNT, chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến công tác GD NSVH cho HS trường PTDTNT và nêu khái quát các nội dung quản lý công tác này.

Thực trạng NSVH và quản lý GD NSVH cho HS các trường PTDTNT đã được làm rõ ở Chương 2 luận văn. Kết quả khảo sát cho thấy, bên cạnh những mặt tích cực còn có những hạn chế. Một bộ phận HS còn lười học, ỷ lại các chế độ chính sách dành cho HS dân tộc, chưa ý thức tự học, tự nghiên cứu, chưa chú ý sắp xếp thời gian tự học, sắp xếp lịch học một cách hợp lý, mặt khác còn một số biểu hiện tiêu cực như: uống rượu, gây gỗ đánh nhau. Ý thức chấp hành nội quy chưa tốt, ý thức tự quản của mỗi HS chưa cao khi tham gia các hoạt động chung. Việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình không được thường xuyên. Nhà trường, các đoàn thể chưa thường xuyên cải tiến các hoạt động, đổi mới phương pháp, cập nhật nội dung, hình thức phù hợp với tình hình hiện nay. CSVC, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ GD NSVH còn hạn chế, thiếu cơ chế phối hợp với các phòng ban, tổ chuyên môn, GVCN, Đoàn TN, gia đình HS.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, luận văn đề xuất 08 biện pháp GD NSVH cho HS bao gồm: Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, NV về công tác GD NSVH cho HS; Xây dựng và ban hành các tiêu chí về NSVH của HS; Xây dựng kế hoạch GD NSVH phù hợp, cụ thể, khả thi; Hoàn thiện bộ máy quản lý GD NSVH cho HS; Đa dạng hóa các hình thức GD NSVH cho HS; Phối hợp hiệu quả các lực lượng tham gia GD NSVH cho HS; Tăng cường kiểm tra, đánh giá hoạt động GD NSVH cho HS; Đảm bảo nguồn lực phục vụ công tác GD NSVH cho HS.

Kết quả khảo nghiệm thể hiện rằng 08 biện pháp luận văn đề xuất có tính cấp thiết và tính khả thi cao. Nếu được triển khai thực hiện đồng bộ, các biện pháp sẽ mang lại kết quả tốt trong công tác GD NSVH cho HS các trường PTDTNT, góp phần nâng cao chất

lượng đào tạo của nhà trường.

## **2. KHUYẾN NGHỊ**

### **2.1. Với Bộ GD & ĐT**

Ban hành văn bản hướng dẫn, các tiêu chí thi đua cụ thể về nếp sống, sinh hoạt, các hoạt động trong các trường PTDTNT, triển khai đồng bộ đến tất cả các trường trong toàn quốc nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng NSVH trong các trường học. Xây dựng các tiêu chí về NSVH của HS trong nhà trường PTDTNT để có thể kiểm tra đánh giá toàn diện và tiến tới tổng kết kinh nghiệm.

### **2.2. Với Sở GD & ĐT tỉnh Kon Tum**

Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành các văn bản chỉ đạo các lực lượng xã hội, các ngành chức năng tăng cường tham gia GD NSVH cho HS các nhà trường. Tổ chức các hội thảo chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL và GV chủ nhiệm về công tác GD NSVH cho HS. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý và chỉ đạo công tác GD NSVH cho HS ở các trường PT DTNT nhằm tư vấn, thúc đẩy nhà trường nâng cao hiệu quả GD NSVH cho HS.

### **2.3. Với các Trường PTDTNT tỉnh Kon Tum**

Xây dựng bộ máy chuyên trách đồng bộ, đủ về số lượng và mạnh về chất lượng, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBQL. Nghiên cứu áp dụng các biện pháp quản lý GD NSVH cho HS do luận văn đề xuất vào nhà trường; căn cứ vào tình hình cụ thể của từng nhà trường để lựa chọn, điều chỉnh các nội dung cho phù hợp. Áp dụng các chế độ hỗ trợ, khuyến khích các đơn vị, bộ phận trong toàn trường tham gia GD NSVH cho HS.